

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST
Ngày: 08 - 12 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Hòa;
2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 7, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh N, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1971, vắng mặt;

Chị Ngô Thị Tuyết H, sinh năm 1980, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ 9, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Do mỗi quen hệ quen biết nên chị cho anh Nguyễn Quốc C và chị Ngô Thị Tuyết H vay số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 01 vay 130.000.000 đồng.

Lần 02 vay 70.000.000 đồng.

Lần 03 vay 100.000.000 đồng.

Lần 04 vay 100.000.000 đồng.

Chị không nhớ cụ thể thời gian vay của từng lần, tuy nhiên theo chị thời gian giữa các lần vay là vài ngày. Các lần vay chị không yêu cầu anh C, chị H viết giấy nợ do tin tưởng, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Từ khi vay cho đến nay anh C, chị H chưa trả cho chị được số tiền lãi nào. Ngày 23/5/2017 âm lịch chị yêu cầu anh C, chị H ký giấy vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận sau 03 tháng sẽ trả. Giấy vay tiền ngày 23/5/2017 âm lịch do chị viết, anh C và chị N ký tên. Ngày 17/11/2019, anh C, chị H bán đất nên trả cho chị 200.000.000 đồng tiền gốc. Nay chị N yêu cầu anh C, chị H trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng trên số tiền gốc 400.000.000 đồng từ ngày vay 17/6/2017 đến ngày 17/11/2019; yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng trên số tiền gốc 200.000.000 đồng từ ngày 18/11/2019 đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2020 và các lời khai trong vụ án, anh Nguyễn Quốc C trình bày:

Do mỗi quan hệ quen biết nên anh và chị Ngô Thị Tuyết H nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Thị N. Lần cuối cùng anh và chị H vay tiền của chị N là vào năm 2019, anh không nhớ thời gian cụ thể. Chị H là người vay, một lần vay 130.000.000 đồng, một lần vay 70.000.000 đồng, hai khoản vay viết chung vào giấy nợ 200.000.000 đồng. Giấy nợ số tiền 200.000.000 đồng do chị N viết, anh và chị H cùng ký tên. Mục đích vay 200.000.000 đồng để trả nợ cho gia đình. Tháng 11/2019, anh đã bán đất cho bà Nguyễn Thị Phụng để trả tiền nợ 200.000.000 đồng cho chị N. Sau khi trả nợ anh không lấy lại giấy nợ từ chị N do chị N nói không có giấy nợ.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 23/5/2017 âm lịch số tiền vay 400.000.000 đồng chị N cung cấp anh thừa nhận anh và chị H có vay của chị N số tiền 400.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng, anh đã bán mì và đưa tiền cho chị H trả nợ cho chị N, khi trả chị H không lấy lại giấy nợ từ chị N do chủ quan, chị N nói đã gạch sổ. Chữ ký, chữ viết Nguyễn Quốc C trong giấy vay tiền 23/5/2017 âm lịch anh không xác định được có phải là chữ ký và chữ viết của anh và anh cũng không khẳng định đó không phải là chữ ký, chữ viết của anh. Anh không yêu cầu Tòa án làm thủ tục giám định chữ ký, chữ viết của anh vì anh đã trả nợ cho chị N.

Các lần vay tiền giữa vợ chồng anh và chị N hai bên có thỏa thuận vay 1.000.000 đồng, lãi suất 50.000 đồng/tháng. Anh đã trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi cho chị N nên hiện nay anh và chị H không còn nợ chị N bất kì khoản vay nào.

Anh và chị Ngô Thị Tuyết H là vợ chồng, chung sống có đăng ký kết hôn. Hiện nay chị H đi làm công nhân tại Trảng Bàng, khoảng 02 tuần về nhà một lần. Tòa án nhiều lần gửi giấy mời cho chị H anh có thông báo cho chị H biết. Nay anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N vì số tiền vay 400.000.000 đồng anh đã trả xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn chị Ngô Thị Tuyết H hợp lệ nhưng chị H vẫn cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành làm việc được với chị H. Chị H phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Quốc C, chị Ngô Thị Tuyết H vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng trên số tiền gốc 400.000.000 đồng từ ngày 17/9/2017 đến ngày 17/11/2019; yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng trên số tiền gốc 200.000.000 đồng từ ngày 18/11/2019 đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Việc anh Nguyễn Quốc C, chị Ngô Thị Tuyết H vay của chị Nguyễn Thị N số tiền tổng cộng 400.000.000 đồng là có thật, là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Anh C không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc anh đã trả hết nợ gốc và tiền lãi cho chị N như lời đã khai. Nay chị N yêu cầu anh C, chị H có trách nhiệm trả cho chị số nợ gốc 200.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định trên số tiền vay gốc 400.000.000 đồng từ ngày 17/9/2017 (trừ 03 tháng theo hạn trả nợ đã thỏa thuận trong giấy vay) đến ngày 17/11/2019 và số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng tính tiền lãi từ ngày 18/11/2019 đến khi giải quyết xong vụ kiện là có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quốc C, chị Ngô Thị Tuyết H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C và chị H.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Do các giao dịch về tài sản phát sinh vào ngày 17/6/2017 đến ngày 16/6/2020 chị N khởi kiện yêu cầu anh C, chị H hoàn trả số tiền nợ gốc và nợ lãi nên căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 688 Bộ luật Dân sự xác định thời hiệu vẫn còn.

[3] Về nội dung vụ án:

Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu anh Nguyễn Quốc C và chị Ngô Thị Tuyết H trả số nợ gốc 200.000.000 đồng thấy rằng: Anh Nguyễn Quốc C thừa nhận anh và chị Ngô Thị Tuyết H có vay của chị N số tiền 400.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng nên hợp đồng vay tài sản giữa chị N và anh C, chị H là có thật. Chị N cung cấp cho Tòa án một bản gốc giấy vay tiền ngày 23/5/2017 âm lịch có nội dung “*tôi tên Nguyễn Quốc C, tổ 9, ấp Tân Thanh, xã Tân Bình, Tân Biên, Tây Ninh, tôi có mượn của em Nguyễn Thị N, sinh năm 1985, tổ 7, ấp Tân Thanh, xã Tân Bình, Tân Biên, Tây Ninh, tôi mượn em N 4 lần là tổng số tiền là 400.000.000 (bằng chữ bốn trăm triệu chẵn).....ký tên vợ Ngô Thị Tuyết H, chồng Nguyễn Quốc C*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời trình bày ra anh C không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ vào về việc đã đóng lãi và đã trả số tiền vay gốc 400.000.000 đồng cho chị N. Số tiền 200.000.000 đồng anh bán đất trả cho chị N vào tháng 11/2019 phù hợp với giấy nợ chị N cung cấp và số tiền chị N khởi kiện; anh C không xác định chữ ký, chữ viết Nguyễn Quốc C trong giấy vay tiền có phải của anh hay không và anh cũng không yêu cầu Tòa án làm thủ tục giám định chữ ký, chữ viết của anh trong giấy vay tiền nên Hội đồng xét xử xác định anh C, chị H chưa trả cho chị N số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, do đó yêu cầu khởi kiện của chị N là có cơ sở để chấp nhận.

Về tiền lãi: Chị N yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng trên số tiền gốc 400.000.000 đồng từ ngày vay 17/9/2017 đến ngày 17/11/2019; yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng trên số tiền gốc 200.000.000 đồng từ ngày 18/11/2019 đến ngày giải quyết xong vụ kiện, anh C cho rằng đã trả tiền lãi đầy đủ cho chị N nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mức lãi suất chị N yêu cầu phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 17/9/2017 đến ngày 17/11/2019: 0.83%/tháng x 400.000.000 đồng x 26 tháng = 86.320.000 đồng.

Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 08/12/2020: 0.83%/tháng x 200.000.000 đồng x 12 tháng 20 ngày = 21.026.000 đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Ngô Thị Tuyết H, tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do nên chị H phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Buộc anh Nguyễn Quốc C, chị Ngô Thị Tuyết H phải chịu 15.367.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Quốc C và chị Ngô Thị Tuyết H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tiền lãi 107.346.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 307.346.000 (ba trăm lẻ bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/12/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (với anh Nguyễn Quốc C và chị Ngô Thị Tuyết H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (0,83%/tháng).

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quốc C và chị Ngô Thị Tuyết H phải chịu 15.367.000 (mười lăm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004199 ngày 16/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (L).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam